

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ 06 tháng đầu năm 2023 và Văn bản giải trình biến động lợi nhuận.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/8/2023 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin



ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
MEATLIFE

Số: 194./2023/CV-MML

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho kỳ 6 tháng đầu năm 2023 và cùng kỳ năm 2022.
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ của Công ty Cổ phần Masan MEATLife đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG đính kèm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty” hay “Tập đoàn”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cùng kỳ năm 2022 như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Biến động	
		30/6/2023	30/6/2022		
		(tỷ VND)	(tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	3.303	1.941	1.362	70%
2	Lợi nhuận gộp	381	111	270	243%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	126	478	(352)	-74%
4	Chi phí bán hàng	463	199	264	133%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	125	163	(38)	-23%
6	(Lỗ)/Lợi nhuận thuần sau thuế	(348)	33	(381)	-1.155%

a. *Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất của kỳ báo cáo thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:*

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tập đoàn là 348 tỷ đồng, giảm 381 tỷ đồng, tương đương 1.155% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 352 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm doanh thu ghi nhận một lần từ phí ký kết hợp đồng mua hàng;
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 226 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do từ cuối năm 2022 phát sinh thêm chi phí của Công ty Cổ phần Masan Jinju (“MSJ”) do từ thời điểm này Tập đoàn đã có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của MSJ theo các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng cho vay hoán đổi;

Các ảnh hưởng trên được bù trừ một phần bởi:

- Doanh thu thuần cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 tăng trưởng 1.362 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do từ cuối năm 2022 có thêm doanh thu của MSJ như giải thích bên trên và việc này góp phần tăng lợi nhuận gộp 270 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

b. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này:

(i) Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất bị lỗ

- Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tập đoàn là 348 tỷ đồng, giảm 381 tỷ đồng, tương đương 1.155% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giảm doanh thu ghi nhận một lần từ phí ký kết hợp đồng mua hàng.

(ii) Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này

- Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tập đoàn đạt 348 tỷ đồng, giảm 381 tỷ đồng, tương đương 1.155% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do việc giảm ghi nhận doanh thu ghi nhận một lần từ phí ký kết hợp đồng mua hàng.

2. Báo cáo tài chính riêng lẻ:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Biến động	
		30/6/2023	30/6/2022	Giá trị (tỷ VND)	Tỷ lệ (%)
		(tỷ VND)	(tỷ VND)		
1	Chi phí tài chính	209	98	111	113%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp (iii)	41	54	(13)	-24%
3	Lỗ thuần sau thuế (iii)	(150)	(44)	(106)	241%

a. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ của kỳ báo cáo thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 150 tỷ đồng, tăng 106 tỷ (241%) so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Chi phí tài chính tăng 111 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước;
- Việc giảm lợi nhuận sau thuế TNDN trên được bù đắp một phần bởi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước nhờ tối ưu hóa chi phí hoạt động.

b. Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở riêng lẻ bị lỗ

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 150 tỷ đồng, tăng 106 tỷ (241%) so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do tăng chi phí tài chính.

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE



NGUYỄN QUỐC TRUNG





Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 12 tháng 9 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung 
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00333-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

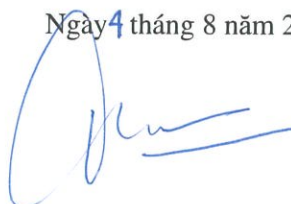
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		2.351.595.467.370	2.538.477.702.905
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	21.296.451.363	7.668.804.630
Tiền	111		11.296.451.363	7.668.804.630
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.327.204.135.436	2.527.879.070.464
Phải thu của khách hàng	131	8	18.048.934.634	20.242.867.968
Trả trước cho người bán	132		38.775.000	12.314.996
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	2.150.394.077.093	2.350.850.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	175.834.001.703	176.047.556.602
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(17.111.652.994)	(19.273.669.102)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.094.880.571	2.929.827.811
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		443.192.607	789.818.310
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.651.687.964	2.140.009.501
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		5.363.837.536.000	7.349.458.136.297
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.055.000.000.000	985.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	1.055.000.000.000	985.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	366.266.235
Tài sản cố định hữu hình	221		-	366.266.235
Nguyên giá	222		198.840.318	609.058.500
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.840.318)	(242.792.265)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.308.745.312.639	6.363.958.385.053
Đầu tư vào các công ty con	251	11(a)	3.829.862.020.000	5.789.811.020.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	11(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(a)	(169.219.431.378)	(73.955.358.964)
Tài sản dài hạn khác	260		92.223.361	133.485.009
Chi phí trả trước dài hạn	261		92.223.361	133.485.009
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.715.433.003.370	9.887.935.839.202

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.426.686.724.233	4.448.858.147.957
Nợ ngắn hạn	310		134.133.749.714	2.159.876.532.432
Phải trả người bán	311	12	41.197.315.956	47.454.673.876
Người mua trả tiền trước	312		293.382.022	293.382.022
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	679.946.787	2.788.446.307
Chi phí phải trả	315	14	84.601.272.438	86.832.348.603
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	7.361.832.511	4.307.681.624
Vay ngắn hạn	320	16(a)	-	2.018.200.000.000
Nợ dài hạn	330		2.292.552.974.519	2.288.981.615.525
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	315.033.720.000	315.033.720.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	16(b)	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025
Dự phòng phải trả dài hạn	342		157.861.500	157.861.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.288.746.279.137	5.439.077.691.245
Vốn chủ sở hữu	410	17	5.288.746.279.137	5.439.077.691.245
Vốn cổ phần	411	18	3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.126.179.665.149	2.126.179.665.149
(Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(108.762.786.012)	41.568.626.096
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		41.568.626.096	28.005.542.651
- (Lỗi)/lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(150.331.412.108)	13.563.083.445
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.715.433.003.370	9.887.935.839.202

Ngày 4 tháng 8 năm 2023


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính

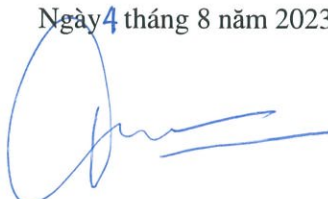
Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	99.459.748.446	107.527.723.491
Chi phí tài chính	22	21	209.446.802.188	97.860.555.157
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		110.574.844.933	94.289.196.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	40.546.531.335	54.298.697.360
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(150.533.585.077)	(44.631.529.026)
Thu nhập khác	31		215.400.000	503.945.630
Chi phí khác	32		13.227.031	2.756.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		202.172.969	501.189.630
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(150.331.412.108)	(44.130.339.396)

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Mã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chínhNguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

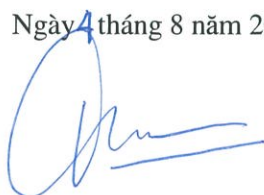
	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	-	196.529.328
Các khoản dự phòng	03	93.545.489.914	(97.510.879)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(21.755)	(1.128.246)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(99.456.462.631)	(104.429.693.894)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	114.146.203.927	97.860.555.157
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(42.096.202.653)	(50.601.587.930)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	10.904.477.854	1.087.542.540
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(15.413.813.515)	7.933.019.517
Biến động chi phí trả trước	12	387.887.351	398.299.925
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	256.165.829.261
		(46.217.650.963)	214.983.103.313
Tiền lãi vay đã trả	14	(102.703.604.661)	(95.935.433.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.921.255.624)	119.047.670.163
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	363.636.364	13.505.557
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(187.500.000.000)	(3.494.950.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	317.955.922.907	3.244.350.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(740.000.000.000)	-
Tiền thu hồi vốn góp từ các công ty con	26	2.699.949.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	89.980.530.806	126.099.566.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.180.749.090.077	(124.486.927.975)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết 30/6/2023 VND	thức ngày 30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.645.400.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.663.600.000.000)	(29.300.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(209.475)	(136.019.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.018.200.209.475)	(29.436.019.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.627.624.978	(34.875.276.912)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	7.668.804.630	88.110.851.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	21.755	1.128.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	21.296.451.363	53.236.702.442

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Mã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chínhNguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 11.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 109 nhân viên (1/1/2023: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi khoản lãi phát sinh trong giai đoạn trước ngày mua chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

2451
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE
CHỖ CHỮ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và chứng khoán kinh doanh; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị biến động theo thời vụ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	11.296.451.363	7.668.804.630
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	21.296.451.363	7.668.804.630

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Phải thu của khách hàng

Không có số dư phải thu từ các bên liên quan trong khoản phải thu của khách hàng (1/1/2023: không).

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.273.669.102	19.647.876.013
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(443.433.608)	(125.070.956)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.718.582.500)	(97.510.879)
Số dư cuối kỳ	17.111.652.994	19.425.294.178

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	Tháng 3 năm 2024	39.000.000.000	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Tháng 5 năm 2024	218.916.497.299	289.700.000.000
Bên liên quan khác			
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)	Tháng 6 năm 2024	1.892.477.579.794	2.061.150.000.000
		2.150.394.077.093	2.350.850.000.000

Tất cả các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một công ty con sở hữu trực tiếp (*)	Tháng 12 năm 2024	70.000.000.000	-
Phải thu về cho vay từ một đối tác (**)	Tháng 10 năm 2024	985.000.000.000	985.000.000.000
		1.055.000.000.000	985.000.000.000

(*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có bảo đảm và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(**) Phải thu về cho vay dài hạn phản ánh khoản phải thu về cho vay từ một đối tác, hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này thì Công ty có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần của Công ty Cổ phần Masan Jinju với giá hoán đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền hoán đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi phải thu từ khoản cho vay	157.017.633.650	119.553.387.022
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	14.315.068	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con	-	28.000.000.000
Phải thu khác từ các công ty con	18.366.218.925	20.172.333.386
Chi trả hộ cho Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con	-	7.965.909.712
Đặt cọc ngắn hạn	176.506.530	176.976.808
Phải thu khác	259.327.530	178.949.674
	175.834.001.703	176.047.556.602

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	5.289.683.899	9.835.399.959
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	1.781.707.629	31.135.513.121
▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju	3.100.000	-
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	15.342.466	235.309.226
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	13.888.264.733	54.530.181.451
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	2.238.082.898	235.309.226
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	1.465.339.066	340.777.976
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	90.100	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)	137.424.981.510	67.905.010.271

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư vào các công ty con

	30/6/2023	1/1/2023
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Dự phòng giảm giá VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty TNHH MEATDeli HN ("Meat Hà Nam")	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("Farm Nghệ An")	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT")	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Masan Jinju ("MSJ") (*)	74,99%	74,99%
Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat") (**)	99,99%	99,99%
	3.829.862.020.000	5.789.811.020.000
	(169.219.431.378)	(73.955.358.964)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(*) Đây là khoản đầu tư vào MSJ (do một bên liên quan nắm giữ hộ) mà Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động dựa trên các điều khoản và điều kiện của một hợp đồng cho vay hoán đổi. Giá gốc của khoản đầu tư sẽ được xác định khi giá thực hiện của quyền hoán đổi được các bên thống nhất (Thuyết minh 9(b)).

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, MNS Meat đang trong quá trình giải thể.

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Meat Hà Nam VND	Farm Nghệ An VND	3F VIỆT VND	MSJ VND	MNS Meat VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.296.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	315.033.720.000	2.700.003.000.000	5.789.811.020.000
Tăng trong kỳ	740.000.000.000	-	-	-	-	740.000.000.000
Thu hồi vốn góp	-	-	-	-	(2.699.949.000.000)	(2.699.949.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.036.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	315.033.720.000	54.000.000	3.829.862.020.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MEATDeli HN	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Xóm Cón Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm; và chế biến, bảo quản thịt
Công ty Cổ phần Masan Jinju	Nhà máy 5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt
Công ty TNHH Meat MNS	(Trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, Đường số 4, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật)

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	73.955.358.964	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	95.264.072.414	-
Số dư cuối kỳ	169.219.431.378	-

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2023 và 1/1/2023		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	38.225.888.712	44.344.572.562
Các nhà cung cấp khác	2.971.427.244	3.110.101.314
	41.197.315.956	47.454.673.876

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	455.625.000	2.234.562.749
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	38.225.888.712	44.344.572.562
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	8.433.972	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	7.286.700	-

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cẩn trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.232.362.188	-	(1.232.362.188)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.788.446.307	8.348.490.889	(10.304.933.830)	(152.056.579)	679.946.787
Các loại thuế khác	-	28.000.000	(28.000.000)	-	-
	2.788.446.307	9.608.853.077	(10.332.933.830)	(1.384.418.767)	679.946.787

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	77.396.486.301	66.629.470.685
Thường thành tích và lương tháng 13	2.422.464.000	8.894.390.401
Chiết khấu thương mại	-	1.729.547.257
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	49.170.000
Chi phí khác	4.782.322.137	9.529.770.260
	84.601.272.438	86.832.348.603

15. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	5.700.140.000	-
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Farm, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.477.041.096
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.418.734.248
Cổ tức phải trả	733.721.100	733.930.575
Phải trả khác	927.971.411	677.975.705
	7.361.832.511	4.307.681.624

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 11(a))	315.033.720.000	315.033.720.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	2.018.200.000.000	3.645.400.000.000	(5.663.600.000.000)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Công ty TNHH MNS Meat Processing	VND	(*)	-	1.154.200.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm	VND	(*)	-	864.000.000.000
			-	2.018.200.000.000

(*) Các khoản vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp chịu lãi suất theo quy định trong các hợp đồng vay.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(22.618.606.981)	(26.189.965.975)
	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	11,3%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không có bảo đảm.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	26.189.965.975	33.332.683.963
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	22.618.606.981	29.761.324.969

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	132.000.000	420.000.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.088	25.432.530	5.204	121.766.335

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu nhập lãi	99.459.092.502	104.429.693.894
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	634.189	8.991.935
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21.755	1.128.246
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	3.087.909.416
	99.459.748.446	107.527.723.491

21. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	110.574.844.933	94.289.196.163
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	95.264.072.414	-
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Chi phí khác	36.525.847	-
	209.446.802.188	97.860.555.157

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên (*)	35.463.461.488	43.848.171.724
Chi phí thuê hoạt động	690.850.730	669.786.880
Chi phí dụng cụ văn phòng	548.299.570	947.047.009
Chi phí khấu hao và phân bổ	-	196.529.328
Chi phí khác	3.843.919.547	8.637.162.419
	40.546.531.335	54.298.697.360

(*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lỗi kế toán trước thuế	(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(30.066.282.422)	(8.826.067.879)
Chi phí không được khấu trừ thuế	71.359.483	30.271.410
Biến động của các chênh lệch tạm thời	29.994.922.939	8.795.796.469
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	279.783.506.741	55.956.701.348	172.273.308.169	34.454.661.634
Lỗi tính thuế	1.082.757.734.361	216.551.546.872	1.040.293.318.235	208.058.663.647
	1.362.541.241.102	272.508.248.220	1.212.566.626.404	242.513.325.281

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2023	Đã quyết toán	202.694.631.599
2024	Đã quyết toán	334.832.987.975
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2028	Chưa quyết toán	42.464.416.126
		1.082.757.734.361

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng nếu có thể là đáng kể.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	-	258.600.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	2.921.350.000.000
Thu nhập lãi cho vay và trái phiếu	-	93.417.470.235
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Meat		
Vay	2.265.400.000.000	-
Trả nợ gốc vay	2.265.400.000.000	-
Chi phí lãi vay	848.690.413	-
Thu hồi vốn góp	2.699.949.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MNS Farm		
Trả nợ gốc vay	864.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.172.054.795	-
Công ty TNHH MNS Meat Processing		
Trả nợ gốc vay	1.154.200.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.517.852.057	-
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Thu hồi khoản cho vay	-	106.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	1.715.216.440
Lợi nhuận được chia nhận được	28.000.000.000	-
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cho vay	39.000.000.000	158.200.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	117.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.042.849.314	1.581.032.877
Vay	1.380.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	1.380.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	489.369.865	-
Góp vốn	740.000.000.000	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	78.500.000.000	50.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	149.283.502.701	100.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.733.539.812	7.333.816.449
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cho vay	70.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	15.342.466	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin	2.436.128.958	1.780.994.003
Chi phí thuê	-	208.885.195
Mua hàng hóa	15.763.633	16.728.182
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	44.203.712	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2023 30/6/2022
VND VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce

Bán chứng khoán kinh doanh	-	258.637.909.416
Mua hàng hóa	142.495.178	103.169.196

**Công ty TNHH Tầm nhìn Masan
(trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)**

Cho vay	-	3.028.150.000.000
Thu hồi khoản cho vay	168.672.420.206	-
Thu nhập lãi cho vay	80.847.551.033	-

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	1.971.246.000	1.964.775.000
--	---------------	---------------

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	317.148.004.780	246.361.499.592
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	404.530.356.723	196.000.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN	7.465.216.792	-

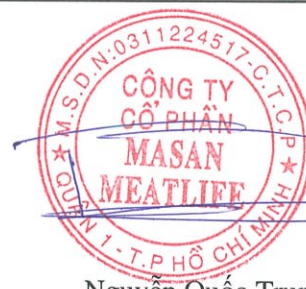
Ngày 4 tháng 8 năm 2023



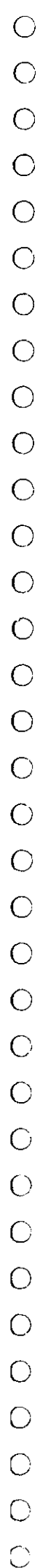
Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc





**Công ty Cổ phần Masan MEATLife
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 12 tháng 9 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung 
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00333-23-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.924.083.117.931	3.975.418.858.058
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	354.635.462.237	435.790.618.314
Tiền	111		138.501.215.237	175.790.618.314
Các khoản tương đương tiền	112		216.134.247.000	260.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.000.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.526.509.817.505	2.507.961.415.940
Phải thu của khách hàng	131	10	444.766.842.285	360.777.240.781
Trả trước cho người bán	132	11	52.667.244.640	17.887.053.312
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	1.892.477.579.794	2.061.150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	166.931.102.433	100.642.089.602
Dự phòng phải thu khó đòi	137	14	(30.332.951.647)	(32.494.967.755)
Hàng tồn kho	140	15	726.111.659.435	713.199.652.948
Hàng tồn kho	141		751.629.324.696	756.870.756.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.517.665.261)	(43.671.103.571)
Tài sản ngắn hạn khác	150		314.826.178.754	315.967.170.856
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20(a)	119.350.529.716	121.530.847.450
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		194.975.918.963	194.300.565.806
Thuế phải thu Nhà nước	153		499.730.075	135.757.600

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.179.320.252.577	9.370.969.975.485
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.014.444.626.932	1.017.752.994.500
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	985.000.000.000	985.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	29.444.626.932	32.752.994.500
Tài sản cố định	220		5.287.460.650.442	5.369.717.367.506
Tài sản cố định hữu hình	221	16	4.699.733.217.799	4.740.231.499.491
Nguyên giá	222		5.595.643.212.072	5.457.577.534.733
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(895.909.994.273)	(717.346.035.242)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	323.768.703.201	349.310.218.587
Nguyên giá	225		377.820.388.756	405.686.341.544
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(54.051.685.555)	(56.376.122.957)
Tài sản cố định vô hình	227	18	263.958.729.442	280.175.649.428
Nguyên giá	228		343.139.377.117	345.950.059.206
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.180.647.675)	(65.774.409.778)
Tài sản dở dang dài hạn	240		50.094.698.655	148.304.616.401
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19	50.094.698.655	148.304.616.401
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.143.717.045.339	2.135.490.172.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(b)	2.143.717.045.339	2.135.490.172.000
Tài sản dài hạn khác	260		683.603.231.209	699.704.825.078
Chi phí trả trước dài hạn	261	20(b)	553.952.262.183	556.144.973.414
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	2.513.190.923	2.607.033.751
Lợi thế thương mại	269	22	127.137.778.103	140.952.817.913
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.103.403.370.508	13.346.388.833.543

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

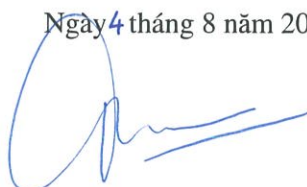
Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.827.528.768.505	7.722.887.142.226
Nợ ngắn hạn	310		2.960.494.682.904	3.097.740.342.426
Phải trả người bán	311	23	577.531.828.496	783.833.387.089
Người mua trả tiền trước	312		6.501.662.057	6.180.831.651
Thuế phải nộp Nhà nước	313	24	25.554.190.151	14.315.939.983
Chi phí phải trả	315	25	323.786.013.979	316.840.685.690
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	91.697.246.604	67.820.481.947
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	1.934.457.951.653	1.907.783.226.102
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		965.789.964	965.789.964
Nợ dài hạn	330		4.867.034.085.601	4.625.146.799.800
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	749.556.370.000	800.897.564.382
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	3.774.917.447.598	3.479.072.178.818
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	336.203.002.099	338.819.790.696
Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	6.357.265.904	6.357.265.904
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.275.874.602.003	5.623.501.691.317
Vốn chủ sở hữu	410	29	5.275.874.602.003	5.623.501.691.317
Vốn cổ phần	411	30	3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.126.179.665.149	2.126.179.665.149
Lỗi lũy kế	421		(259.310.262.181)	(13.372.661.943)
- (Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.372.661.943)	131.878.603.480
- Lỗi sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(245.937.600.238)	(145.251.265.423)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		137.675.799.035	239.365.288.111
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.103.403.370.508	13.346.388.833.543

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	3.326.674.155.337	1.948.683.678.409
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	23.406.610.389	7.655.351.143
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	3.303.267.544.948	1.941.028.327.266
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	33	2.921.944.514.745	1.830.459.048.185
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		381.323.030.203	110.569.279.081
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	125.822.461.786	477.933.162.170
Chi phí tài chính	22	35	274.543.366.503	193.506.528.045
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		266.129.135.547	187.816.239.638
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		8.226.873.339	-
Chi phí bán hàng	25	36	463.008.443.217	198.544.602.287
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	124.610.080.725	163.200.908.180
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(346.789.525.117)	33.250.402.739
Thu nhập khác	31		4.934.593.234	5.230.524.876
Chi phí khác	32	38	7.562.366.166	7.669.519.711
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.627.772.932)	(2.438.994.835)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(349.417.298.049)	30.811.407.904
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành	51	39	722.737.234	(28.300.000)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	39	(2.522.945.769)	(2.546.284.808)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(347.617.089.514)	33.385.992.712

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		(347.617.089.514)	33.385.992.712
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		(245.937.600.238)	91.298.047.215
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		(101.679.489.276)	(57.912.054.503)
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	(752)	279

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(349.417.298.049)	30.811.407.904
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	215.155.355.505	153.684.778.867
Các khoản dự phòng	03	(16.366.204.117)	(25.218.893.586)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.510.859)	(1.128.246)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(96.523.441.918)	(95.860.034.838)
Chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác	06	269.700.494.541	191.387.598.632
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	22.541.395.103	254.803.728.733
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(70.617.146.064)	10.693.205.031
Biến động hàng tồn kho	10	1.735.615.130	22.138.358.578
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(117.046.393.340)	737.022.304.072
Biến động chi phí trả trước	12	26.016.224.309	42.164.805.615
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	25.185.785.711
		(137.370.304.862)	1.092.008.187.740
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(256.332.878.591)	(189.461.724.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.340.913.873)	(353.137.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(395.044.097.326)	902.193.325.730
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(190.665.298.887)	(411.171.231.865)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.149.351.157	160.695.047.030
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(170.000.000.000)	(3.489.750.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	339.172.420.206	3.121.350.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	14.294.020.956	183.473.523.305
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.049.506.568)	(435.402.661.530)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền trả lại phần vốn góp của một công ty con cho nhà đầu tư không kiểm soát	32 (9.999.800)	-
Tiền thu từ đi vay	33 3.168.185.604.516	1.901.739.260.329
Tiền trả nợ gốc vay	34 (2.841.293.589.931)	(2.226.297.126.989)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 (7.943.379.248)	(6.641.753.549)
Tiền trả cổ tức	36 (209.475)	(136.019.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40 318.938.426.062	(331.335.639.309)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50 (81.155.177.832)	135.455.024.891
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60 435.790.618.314	214.892.501.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61 21.755	1.128.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 354.635.462.237	350.348.654.837

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp). Thông tin chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 30/6/2023 1/1/2023	Tỷ lệ quyền biểu quyết 30/6/2023 1/1/2023
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat")	Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật)	(Trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, Đường số 4, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%
2	Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT")	Chăn nuôi gia cầm	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("Farm Nghệ An")	Chăn nuôi heo	Xóm Cón Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MEATDeli HN ("Meat Hà Nam")	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	100,00%	100,00%
5	Công ty Cổ phần Masan Jinju ("MSJ")	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt	Nhà xưởng F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	74,99%	74,99%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 30/6/2023	1/1/2023	Tỷ lệ quyền biểu quyết 30/6/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	(i) Tư vấn quản lý đầu tư (*)	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
2	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(i) Tư vấn quản lý đầu tư (*)	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
3	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (“Meat Sài Gòn”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Lô 2, Đường Tân Đức, Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	100,00%	99,99%	100,00%	99,99%
4	Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT (“3F VIỆT Food”)	(iii) Chế biến và bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm chế biến từ thịt	Thửa đất 320, Tờ bản đồ số 48, Ấp Kiến An, Xã An Lập, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết sở hữu trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(iv) Bán buôn thực phẩm	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,94%	24,94%	24,94%	24,94%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các công ty con này đang trong quá trình giải thể.
- (**) Đây là khoản đầu tư vào MSJ (do một bên liên quan nắm giữ hộ) mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động dựa trên các điều khoản và điều kiện của một hợp đồng cho vay hoán đổi (Thuyết minh 12(b)).
- (i) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Meat.
- (ii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Meat Hà Nam.
- (iii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua 3F VIỆT.
- (iv) Công ty liên kết này thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty.
- Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty con và công ty liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 2.231 nhân viên (1/1/2023: 2.560 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (bên được đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

042-00
NHÂN
TY TNHH
MG
HỒ CHÍ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá phí mua được chốt và giá trị hợp lý của giá phí mua tại ngày mua được hạch toán vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(j)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất/chăn nuôi chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển và truyền dẫn	3 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ heo giống	4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

(iii) Thương hiệu

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 13 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(iv) Mối quan hệ khách hàng

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là 16 năm. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho heo giống, các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, bao gồm cả tiền thuê đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện là tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất thuê bao gồm cả chi phí giải phóng mặt bằng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Heo giống và gà giống

Heo giống với nguyên giá của mỗi con thấp hơn 30 triệu VND được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 3 năm. Gà giống được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dựa theo số trứng thực tế nở và số trứng ước tính có thể nở. Chi phí phân bổ heo giống và gà giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt và gà thịt trong sản phẩm dở dang được vốn hóa và ghi vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Chi phí khôi phục hiện trường

Tập đoàn có nghĩa vụ phải phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Tập đoàn đã xây dựng nhà máy vào thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất. Lãi suất chiết khấu áp dụng là lãi suất trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến khoản phải trả mà chưa được bao gồm trong ước tính các khoản chi phí phát sinh.

(n) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm phí ký hợp đồng mua hàng; lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay và chứng khoán kinh doanh; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh; lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất áp dụng.

Phí ký kết hợp đồng mua hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các điều kiện và điều khoản của hợp đồng mua hàng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, nợ thuê tài chính và trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tập đoàn, với tư cách là bên đi thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn được lập lần lượt dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và bộ phận chia theo vùng địa lý.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(w) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

4. Tình thời vụ của hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bị biến động theo thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào khác trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có hai bộ phận báo cáo, như được mô tả dưới đây, là các bộ phận kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này cung cấp các sản phẩm khác nhau và được quản lý riêng biệt do các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng hoạt động kinh doanh chiến lược, Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con soát xét các báo cáo quản trị nội bộ theo định kỳ.

Bản tóm tắt sau đây mô tả hoạt động của từng bộ phận báo cáo:

Bộ phận báo cáo

Hoạt động

- Trang trại Chăn nuôi gia súc và gia cầm.
- Thịt và các sản phẩm từ thịt Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

Kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán hoặc dịch vụ của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ bao gồm chi phí tài chính và doanh thu hoạt động tài chính mà Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí và thu nhập này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Các chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục trực tiếp thuộc về từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận dựa trên cơ sở hợp lý.

	Trang trại		Thịt và các sản phẩm từ thịt		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	976.925.646.526	1.051.626.496.445	2.326.341.898.422	889.401.830.821	-	-	3.303.267.544.948	1.941.028.327.266
Doanh thu giữa các bộ phận	416.144.317.438	488.225.834.383	13.418.940	38.885.000	(416.157.736.378)	(488.264.719.383)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.393.069.963.964	1.539.852.330.828	2.326.355.317.362	889.440.715.821	(416.157.736.378)	(488.264.719.383)	3.303.267.544.948	1.941.028.327.266
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(92.507.623.202)	23.457.025.730	(113.787.870.537)	(274.633.257.116)	-	-	(206.295.493.739)	(251.176.231.386)
(Chi phí)/doanh thu hoạt động tài chính thuần không phân bổ Phần lãi trong một công ty liên kết							(148.720.904.717) 8.226.873.339	284.426.634.125 -
Kết quả từ hoạt động kinh doanh							(346.789.525.117)	33.250.402.739
Thu nhập khác Chi phí khác							4.934.593.234 (7.562.366.166)	5.230.524.876 (7.669.519.711)
Thuế thu nhập doanh nghiệp							1.800.208.535	2.574.584.808
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							(347.617.089.514)	33.385.992.712

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	911.000	198.525.004
Tiền gửi ngân hàng	138.500.304.237	175.492.887.107
Tiền đang chuyển	-	99.206.203
Các khoản tương đương tiền	216.134.247.000	260.000.000.000
	354.635.462.237	435.790.618.314

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

9. Đầu tư

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	2.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	2.143.717.045.339	2.135.490.172.000

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm là 7,0% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 4,4% một năm).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	2.143.717.045.33	2.135.490.172.000
	9	20.180.026	24,94%	

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động trong kỳ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.135.490.172.000	2.135.490.172.000
Phần lãi trong một công ty liên kết	8.226.873.339	-
Số dư cuối kỳ	2.143.717.045.339	2.135.490.172.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	192.023.718.710	130.281.990.223
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	170.172.526.247	143.958.564.658
Các khách hàng khác	82.570.597.328	86.536.685.900
	444.766.842.285	360.777.240.781

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 3.487 triệu VND (1/1/2023: 2.471 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	4.945.387	83.608.323
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	192.023.718.710	130.281.990.223
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	170.172.526.247	143.958.564.658
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	12.557.131.276	5.539.603.308
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	6.362.712.186	9.686.430.793
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	378.765.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	24.239.655	1.013.886.385
▪ Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	-	34.635.700

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, trả trước cho người bán của Tập đoàn bao gồm 42.368 triệu VND (1/1/2023: 8.469 triệu VND) liên quan đến mua tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan khác			
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)	6/2024	1.892.477.579.794	2.061.150.000.000

Các khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Phải thu về cho vay dài hạn phản ánh khoản phải thu về cho vay từ một đối tác, hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay và sẽ đáo hạn vào tháng 10 năm 2024. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này, Tập đoàn có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần của MSJ với giá hoán đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền hoán đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này.

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi phải thu từ khoản cho vay với Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”), một bên liên quan	137.424.981.510	67.905.010.271
Lãi phải thu từ khoản cho vay khác và tiền gửi ngân hàng	13.478.767.235	4.281.911.073
Đặt cọc ngắn hạn	7.279.160.810	8.119.097.647
Tạm ứng cho nhân viên	760.555.336	788.260.615
Phải thu khác	7.987.637.542	19.547.809.996
	166.931.102.433	100.642.089.602

Lãi cho vay phải thu từ một bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc dài hạn	29.444.626.932	32.752.994.500

14. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	32.494.967.755	31.872.755.615
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.718.582.500)	(660.739.224)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(443.433.608)	(125.070.956)
Số dư cuối kỳ	30.332.951.647	31.086.945.435

15. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	3.036.897.227	-	6.013.835.125	-
Nguyên vật liệu	162.634.680.239	(4.649.598.295)	169.352.474.899	(5.709.843.342)
Công cụ và dụng cụ	44.274.270.629	(5.783.574.341)	45.589.906.238	(2.366.200.597)
Sản phẩm dở dang	437.479.855.407	(3.288.561.595)	416.781.039.140	(8.666.376.107)
Thành phẩm	68.563.255.258	(11.725.519.818)	97.870.618.447	(23.299.183.525)
Hàng hóa	1.096.405.692	(70.411.212)	21.262.882.670	(3.629.500.000)
Hàng gửi đi bán	34.543.960.244	-	-	-
	751.629.324.696	(25.517.665.261)	756.870.756.519	(43.671.103.571)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 96.644 triệu VND (1/1/2023: 122.781 triệu VND) thành phẩm và sản phẩm dở dang được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 7.490 triệu VND (1/1/2023: 3.932 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	43.671.103.571	39.703.378.051
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.831.053.611	3.584.000.844
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(18.478.675.228)	(28.142.155.206)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(3.505.816.693)	-
Số dư cuối kỳ	25.517.665.261	15.145.223.689

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Heo giống VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.287.801.254.561	2.053.675.701.837	78.535.823.665	36.156.899.493	1.407.855.177	5.457.577.534.733
Tăng trong kỳ	13.704.703.307	8.915.311.957	50.253.880	4.192.087.000	-	26.862.356.144
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	243.680.000	85.889.341.661	-	356.700.000	9.860.898.359	96.350.620.020
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	25.119.090.223	2.746.862.565	-	-	27.865.952.788
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(193.400.000)	-	-	-	(193.400.000)
Thanh lý và xóa sổ	(6.732.884.634)	-	(5.025.769.838)	-	(1.061.197.141)	(12.819.851.613)
Số dư cuối kỳ	3.295.016.753.234	2.173.406.045.678	76.307.170.272	40.705.686.493	10.207.556.395	5.595.643.212.072
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	376.279.407.186	297.898.889.410	24.284.420.802	18.266.671.266	616.646.578	717.346.035.242
Khấu hao trong kỳ	68.421.157.697	94.750.409.500	4.293.200.056	3.666.698.970	959.700.865	172.091.167.088
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	13.471.609.535	2.259.814.105	-	-	15.731.423.640
Thanh lý và xóa sổ	(5.193.506.534)	-	(3.538.730.564)	-	(526.394.599)	(9.258.631.697)
Số dư cuối kỳ	439.507.058.349	406.120.908.445	27.298.704.399	21.933.370.236	1.049.952.844	895.909.994.273
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	2.911.521.847.375	1.755.776.812.427	54.251.402.863	17.890.228.227	791.208.599	4.740.231.499.491
Số dư cuối kỳ	2.855.509.694.885	1.767.285.137.233	49.008.465.873	18.772.316.257	9.157.603.551	4.699.733.217.799

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 20.825 triệu VND (1/1/2023: 13.104 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.330.046 triệu VND (1/1/2023: 3.485.446 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	377.348.552.492	25.119.090.223	3.218.698.829	405.686.341.544
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(25.119.090.223)	(2.746.862.565)	(27.865.952.788)
Số dư cuối kỳ	377.348.552.492	-	471.836.264	377.820.388.756
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	41.233.306.785	12.801.278.670	2.341.537.502	56.376.122.957
Khấu hao trong kỳ	12.616.027.056	670.330.865	120.628.317	13.406.986.238
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(13.471.609.535)	(2.259.814.105)	(15.731.423.640)
Số dư cuối kỳ	53.849.333.841	-	202.351.714	54.051.685.555
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	336.115.245.707	12.317.811.553	877.161.327	349.310.218.587
Số dư cuối kỳ	323.499.218.651	-	269.484.550	323.768.703.201

Tập đoàn thuê một số tài sản cố định hữu hình theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	12.487.500.000	5.120.524.039	205.464.758.322	122.877.276.845	345.950.059.206
Xóa số	-	(2.810.682.089)	-	-	(2.810.682.089)
Số dư cuối kỳ	12.487.500.000	2.309.841.950	205.464.758.322	122.877.276.845	343.139.377.117
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	3.345.611.879	46.429.152.475	15.999.645.424	65.774.409.778
Khấu hao trong kỳ	-	353.304.011	11.648.943.456	3.839.914.902	15.842.162.369
Xóa số	-	(2.435.924.472)	-	-	(2.435.924.472)
Số dư cuối kỳ	-	1.262.991.418	58.078.095.931	19.839.560.326	79.180.647.675
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	12.487.500.000	1.774.912.160	159.035.605.847	106.877.631.421	280.175.649.428
Số dư cuối kỳ	12.487.500.000	1.046.850.532	147.386.662.391	103.037.716.519	263.958.729.442

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 12.615 triệu VND (1/1/2023: 18.650 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	148.304.616.401	443.724.235.349
Tăng trong kỳ	22.518.151.020	435.027.718.178
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(96.350.620.020)	(469.518.156.879)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(21.449.795.344)	(24.959.080.262)
Thanh lý và xóa sổ	(2.927.653.402)	(135.704.175.151)
Số dư cuối kỳ	50.094.698.655	248.570.541.235

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	28.757.468.887	55.543.237.568
Máy móc và thiết bị	9.021.844.661	74.525.639.824
Khác	12.315.385.107	18.235.739.009
Tổng cộng	50.094.698.655	148.304.616.401

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1.063 triệu VND (1/1/2023: 52.087 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

20. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Gà giống	110.978.190.575	110.197.135.339
Công cụ và dụng cụ	3.665.089.896	5.018.796.031
Phí bảo hiểm trả trước	1.970.057.164	1.619.003.558
Thuê hoạt động trả trước	815.513.665	1.729.928.403
Chi phí khác	1.921.678.416	2.965.984.119
Tổng cộng	119.350.529.716	121.530.847.450

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, gà giống với giá trị ghi sổ là 6.032 triệu VND (1/1/2023: 8.389 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Heo giống VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	475.545.031.066	13.572.851.102	42.908.985.090	24.118.106.156	556.144.973.414
Tăng trong kỳ	-	5.249.841.442	-	5.812.102.000	11.061.943.442
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	193.400.000	-	-	193.400.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.310.150.453	17.461.011.006	1.678.633.885	21.449.795.344
Phân bổ trong kỳ	(6.189.968.853)	(5.899.743.952)	(11.535.585.779)	(5.145.561.554)	(28.770.860.138)
Thanh lý và xóa sổ	-	-	(6.126.989.879)	-	(6.126.989.879)
Số dư cuối kỳ	469.355.062.213	15.426.499.045	42.707.420.438	26.463.280.487	553.952.262.183

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 437.519 triệu VND (1/1/2023: 518.505 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lỗ chưa thực hiện	-	93.842.820
Chi phí phải trả và dự phòng	1.306.185.617	1.306.185.625
Lỗ tính thuế mang sang	1.207.005.306	1.207.005.306
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.513.190.923	2.607.033.751
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Đầu tư vào một công ty liên kết	(297.477.489.597)	(297.477.489.597)
Tài sản cố định vô hình	(37.811.130.843)	(40.161.956.709)
Tài sản cố định hữu hình	(914.381.659)	(1.180.344.390)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(336.203.002.099)	(338.819.790.696)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(333.689.811.176)	(336.212.756.945)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ

	1/1/2023 VND	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất VND	30/6/2023 VND
Lỗ chưa thực hiện	93.842.820	(93.842.820)	-
Chi phí phải trả và dự phòng	1.306.185.625	(8)	1.306.185.617
Lỗ tính thuế mang sang	1.207.005.306	-	1.207.005.306
Đầu tư vào một công ty liên kết	(297.477.489.597)	-	(297.477.489.597)
Tài sản cố định vô hình	(40.161.956.709)	2.350.825.866	(37.811.130.843)
Tài sản cố định hữu hình	(1.180.344.390)	265.962.731	(914.381.659)
	(336.212.756.945)	2.522.945.769	(333.689.811.176)

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	173.317.424.829
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	32.364.606.916
Phân bổ trong kỳ	13.815.039.810
Số dư cuối kỳ	46.179.646.726
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	140.952.817.913
Số dư cuối kỳ	127.137.778.103

23. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH De Hues	117.117.519.057	130.369.434.799
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	111.491.810.475	111.793.666.760
Các nhà cung cấp khác	348.922.498.964	541.670.285.530
	577.531.828.496	783.833.387.089

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	455.625.000	2.234.562.749
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	42.042.008.923	48.243.044.163
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	1.461.417.980	5.470.167.076
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	8.433.972	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	7.286.700	22.400.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Phân loại lại/ Hoàn lại VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	537.654.818	138.120.712.296	(22.832.069.000)	(99.495.689.626)	16.330.608.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.736.003.333	722.737.234	(1.340.913.873)	-	8.117.826.694
Thuế thu nhập cá nhân	5.042.281.832	20.891.743.522	(22.595.594.868)	(2.232.675.517)	1.105.754.969
Các loại thuế khác	-	6.174.507.232	(6.174.507.232)	-	-
	14.315.939.983	165.909.700.284	(52.943.084.973)	(101.728.365.143)	25.554.190.151

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	94.770.880.032	84.974.623.076
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	90.543.357.420	42.781.203.191
Công trình xây dựng	48.219.214.941	49.264.458.605
Hỗ trợ thương mại và chiết khấu thương mại	19.893.201.830	14.189.043.707
Thưởng thành tích và lương tháng 13	14.421.067.117	69.072.446.341
Chi phí vận chuyển	4.947.937.879	1.953.368.281
Chi phí khác	50.990.354.760	54.605.542.489
	323.786.013.979	316.840.685.690

26. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phí ký kết hợp đồng mua hàng hoãn lại	81.595.200.001	63.507.800.001
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên	5.700.140.000	-
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	2.106.795.971	1.222.918.635
Cổ tức phải trả	733.721.100	733.930.575
Đặt cọc ngắn hạn nhận được	175.000.000	595.000.000
Phải trả khác	1.386.389.532	1.760.832.736
	91.697.246.604	67.820.481.947

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phí ký kết hợp đồng mua hàng hoãn lại	428.351.900.000	478.193.200.000
Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 12(b))	315.033.720.000	315.033.720.000
Đặt cọc dài hạn nhận được	6.170.750.000	7.670.644.382
	749.556.370.000	800.897.564.382

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn
Vay dài hạn đến hạn trả
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	
	1.295.442.721.231	2.642.391.669.392	(2.495.253.720.843)		1.442.580.669.780	
	597.085.613.557	216.228.270.508	(336.414.543.292)		476.899.340.773	
	15.254.891.314	7.666.429.034	(7.943.379.248)		14.977.941.100	
	1.907.783.226.102	2.866.286.368.934	(2.839.611.643.383)		1.934.457.951.653	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo

Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023		1/1/2023	
			VND		VND
VND	5,50% - 8,50%	57.922.852.278		76.125.569.355	
VND	5,00% - 13,00%	1.384.657.817.502		1.219.317.151.876	
		1.442.580.669.780		1.295.442.721.231	

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bởi các tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Các khoản phải thu (Thuyết minh 10)	3.486.596.830	2.470.638.920
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16)	17.984.110.753	2.111.828.930
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 18)	12.487.500.000	12.487.500.000
▪ Gà giống (Thuyết minh 20)	6.032.082.134	8.389.379.162

Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo của các công ty con với giá trị ghi sổ là 729.144 triệu VND (1/1/2023: 246.361 triệu VND), 182.685 triệu VND (1/1/2023: 169.142 triệu VND) và 472.829 triệu VND (1/1/2023: 803.813 triệu VND) lần lượt được Công ty, bên liên quan và công ty mẹ bảo lãnh.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	1.938.534.728.221	1.758.780.662.185
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	350.898.608.231	358.841.987.479
	4.266.794.729.471	4.091.412.683.689
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(491.877.281.873)	(612.340.504.871)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.774.917.447.598	3.479.072.178.818

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng có đảm bảo					
Khoản vay 1 (*)	VND	9,48%-9,98%	2026	630.686.276.770	745.356.508.910
Khoản vay 2 (*)	VND	12,50%	2028	369.534.504.234	-
Khoản vay 3 (*)	VND	7,30%-7,50%	2027	376.012.145.345	298.458.697.365
Khoản vay 4 (*)	VND	8,40%-9,40%	2027	305.084.162.066	-
Khoản vay 5 (*)	VND	6,78%-7,50%	2027	157.347.623.953	104.482.705.856
Khoản vay 6	VND	10,20%	2023	62.000.000.000	196.000.000.000
Khoản vay 7	VND	8,10%	2026	19.769.285.991	10.864.642.996
Khoản vay 8	VND	7,70%	2026	3.900.000.000	4.500.000.000
Khoản vay 9	VND	7,53%-9,40%	2027	-	360.842.107.931
Khoản vay 10	VND	8,00%-11,00%	2028	-	11.208.116.025
Khoản vay 11	VND	3,85%	2023	-	3.400.000.000
Vay ngân hàng không đảm bảo					
Khoản vay 12	VND	8,10%	2024	14.200.729.862	18.934.306.480
Khoản vay 13	VND	6,60%	2024	-	4.733.576.622
				1.938.534.728.221	1.758.780.662.185

Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bởi các tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16)	3.312.061.579.966	3.483.333.862.249
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 18)	127.296.560	6.162.988.585
▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 19)	1.603.517.000	52.086.880.399
▪ Chi phí trả trước (Thuyết minh 20)	437.519.186.211	518.505.438.596

(*) Các khoản vay ngân hàng này cũng được bảo lãnh bởi các bên liên quan.

Khoản vay ngân hàng không đảm bảo được bảo lãnh bởi các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường phát hành

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(22.618.606.981)	(26.189.965.975)
	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	11,3%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không có đảm bảo.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	26.189.965.975	33.332.683.963
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	22.618.606.981	29.761.324.969

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2023		
	Tổng khoản thanh toán VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	46.838.315.170	31.860.374.070	14.977.941.100
Trong vòng 2 đến 5 năm	187.096.072.085	111.149.114.818	75.946.957.267
Sau 5 năm	364.754.934.105	104.781.224.241	259.973.709.864
	598.689.321.360	247.790.713.129	350.898.608.231

	1/1/2023		
	Tổng khoản thanh toán VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	47.827.986.585	32.573.095.271	15.254.891.314
Trong vòng 2 đến 5 năm	187.131.166.636	114.653.597.410	72.477.569.226
Sau 5 năm	388.141.843.115	117.032.316.176	271.109.526.939
	623.100.996.336	264.259.008.857	358.841.987.479

28. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	157.861.500	157.861.500
Dự phòng khôi phục hiện trường	6.199.404.404	6.199.404.404
	6.357.265.904	6.357.265.904

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	131.878.603.480	230.391.243.391	5.751.159.332.020
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	91.298.047.215	(57.912.054.503)	33.385.992.712
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	223.176.650.695	172.479.188.888	5.784.545.324.732
Phát hành cổ phiếu theo ESOP	1.444.930.000	7.174.650.000	-	-	8.619.580.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh và khác	-	-	-	97.481.736.756	97.481.736.756
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(236.549.312.638)	(30.595.637.533)	(267.144.950.171)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(13.372.661.943)	239.365.288.111	5.623.501.691.317
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(245.937.600.238)	(101.679.489.276)	(347.617.089.514)
Trả lại vốn góp của công ty con cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(9.999.800)	(9.999.800)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(259.310.262.181)	137.675.799.035	5.275.874.602.003



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	69.671.009.393	56.820.752.426
Trong vòng 2 đến 5 năm	203.324.619.717	81.851.694.045
Trên 5 năm	283.522.482.500	109.515.926.667
	556.518.111.610	248.188.373.138

(b) Ngoại tệ

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.088	25.432.530	6.386	149.444.446

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	76.813.435.730	345.483.563.055
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	52.646.231.563	148.688.468.492
	129.459.667.293	494.172.031.547

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	3.326.674.155.337	1.948.683.678.409
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	23.234.985.135	5.582.297.592
▪ Hàng bán bị trả lại	171.625.254	2.073.053.551
	23.406.610.389	7.655.351.143
Doanh thu thuần	3.303.267.544.948	1.941.028.327.266

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	2.936.592.136.362	1.855.017.202.547
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.647.621.617)	(24.558.154.362)
	<u>2.921.944.514.745</u>	<u>1.830.459.048.185</u>

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu nhập lãi	93.010.848.357	104.827.124.010
Phí ký kết hợp đồng mua hàng và khác	32.348.421.000	363.636.363.636
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	455.681.570	739.809.525
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7.510.859	1.128.246
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	5.695.403.417
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.033.333.336
	<u>125.822.461.786</u>	<u>477.933.162.170</u>

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	266.129.135.547	187.816.239.638
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	423.664.502	308.811.330
Chi phí khác	4.419.207.460	1.810.118.083
	<u>274.543.366.503</u>	<u>193.506.528.045</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	256.468.460.259	22.676.567.293
Chi phí vận chuyển	93.782.200.123	69.677.066.852
Chi phí nhân viên	38.609.757.089	51.308.586.541
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.457.188.298	8.614.360.865
Chi phí thuê hoạt động	4.562.526.603	7.588.494.289
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.889.792.672	3.447.411.125
Chi phí khác	58.238.518.173	35.232.115.322
	463.008.443.217	198.544.602.287

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	58.321.265.695	90.658.180.291
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.655.695.954	15.577.208.162
Phân bổ giá trị hợp lý của tài sản cố định và lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	11.717.509.338	11.717.509.338
Chi phí thuê hoạt động	7.761.637.313	6.479.873.587
Dụng cụ văn phòng	1.751.692.723	2.341.310.970
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.718.582.500)	(660.739.224)
Chi phí khác	25.120.862.202	37.087.565.056
	124.610.080.725	163.200.908.180

38. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	2.067.529.013	905.035.081
Tiền phạt	-	4.237.736.356
Chi phí khác	5.494.837.153	2.526.748.274
	7.562.366.166	7.669.519.711

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	722.737.234	-
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(28.300.000)
	722.737.234	(28.300.000)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.522.945.769)	(2.546.284.808)
	(2.522.945.769)	(2.546.284.808)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.800.208.535)	(2.574.584.808)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(349.417.298.049)	30.811.407.904
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(69.883.459.610)	6.162.281.581
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác của các công ty con	1.541.421.693	(26.632.775.535)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau đối với các dự án mở rộng	555.480.637	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	158.205.019	1.345.747.068
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	71.957.227.623	38.303.288.996
Lỗ tính thuế được sử dụng	(6.129.083.897)	(21.724.826.918)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(28.300.000)
	(1.800.208.535)	(2.574.584.808)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty trong Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định về ưu đãi thuế, quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng nếu có có thể là đáng kể.

40. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 245.938 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: lợi nhuận thuần là 91.298 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ là 327.132.940 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 326.988.447 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(245.937.600.238)	91.298.047.215

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	327.132.940	326.988.447

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	-	258.600.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	2.921.350.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	96.965.097.036
Bán hàng hóa	1.166.177.249	1.370.689.132
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí hỗ trợ quản lý và công nghệ thông tin	69.204.829.296	12.318.387.848
Phí phân phối	30.283.068.428	-
Mua hàng hóa	2.993.060.071	1.455.506.393
Bán hàng hóa	444.929.438	32.278.205
Chi phí thuê	-	2.210.701.649
Công ty con		
Công ty Cổ phần Masan Jinju (từ ngày 28 tháng 10 năm 2022)		
Bán hàng hóa	-	40.053.991.384
Mua hàng hóa	-	378.174.289
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Bán tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	-	161.372.550.562
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	36.258.160.841
Mua hàng hóa	-	22.767.162.256
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.033.333.336
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Bán hàng hóa	59.084.139.592	1.321.743.178
Mua hàng hóa	56.011.822.546	841.052.090
Phí quản lý	3.731.212.568	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD		
Bán hàng hóa	631.275.000	814.761.560
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB		
Bán hàng hóa	10.656.784.275	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG		
Bán hàng hóa	5.987.967.340	-



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)		
Cho vay	70.000.000.000	3.028.150.000.000
Thu hồi khoản cho vay	238.672.420.206	-
Thu nhập lãi cho vay	80.882.071.581	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce		
Bán hàng hóa	772.082.749.487	612.319.501.471
Chi phí hỗ trợ	88.486.222.797	-
Mua hàng hóa	148.125.686	1.704.167.618
Thanh lý tài sản cố định	-	13.505.557
Mua chứng khoán kinh doanh	-	318.566.584.115
Bán chứng khoán kinh doanh	-	565.569.782.326
Công ty TNHH Hi-Fresh		
Bán hàng hóa	-	12.891.190
Công ty TNHH Zenith Investment		
Vay	300.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	300.000.000.000	-
Cho vay	-	200.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	200.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	19.178.082
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	263.110.338	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	249.069.274	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	5.305.288.000	4.049.707.000

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Ủy ban Kiểm toán Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

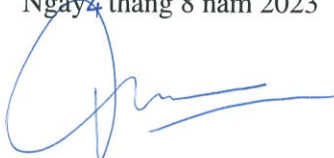
42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	54.082.045.141	161.467.612.994

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc



